

Số: /SNNMT-CCTL

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2026

V/v lấy ý kiến phản biện và truyền thông đối với Hồ sơ dự thảo “Nghị quyết quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 141/NQ-TT ngày 22/4/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định chi tiết nội dung được giao và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2200/UBND-KT ngày 17/8/2025 về việc triển khai thi hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (trong đó, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai xây dựng mức phí thẩm định cấp giấy phép tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh).

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Hồ sơ dự thảo “**Nghị quyết quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**” (sau đây gọi tắt là Hồ sơ dự thảo Nghị quyết).

Để đảm bảo việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

Thực hiện phản biện xã hội đối với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và gửi ý kiến phản biện về Sở Nông nghiệp và Môi trường **chậm nhất ngày 10/7/2026** để tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

2. Trung tâm Công báo và Công thông tin điện tử tỉnh:

Đăng tải Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định; đồng thời truyền thông rộng rãi nội dung dự thảo Nghị quyết chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Với nội dung trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Đính kèm:

- Dự thảo Tờ trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh;
- Bảng so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết;
- Đề án số 8806/ĐA-SNNMT ngày 19/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Đề án thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh;
- Và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- VPS (đăng tải trên Trang TTĐT của Sở);
- Lưu: VT, CCTL, TVH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Quang

Phụ lục
NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo
thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm
định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thăm định đề án
khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Kèm theo Công văn số...../SNNMT-CCTL ngày..../6/2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Hiện nay, căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết thu phí đã có sự thay đổi; đồng thời, cho đến nay chưa ban hành thống nhất về mức phí khai thác, sử dụng nguồn nước chung cho tỉnh Khánh Hòa (sau sáp nhập), cụ thể:

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, đã thay thế Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012). Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Đồng thời, ngày 17/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2026/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 và Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ).

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 đã được thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Phí và lệ phí năm 2015 (sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14); Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí (thay thế Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ); Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính). Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019, trong đó quy định danh mục phí khai thác, sử dụng nguồn nước gồm 03 loại phí: (1) Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; (2) Phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; (3) Phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển.

- Bên cạnh đó, mức thu phí áp dụng theo quy định tại các Nghị quyết nêu trên của 02 tỉnh được xây dựng trên cơ sở mức lương cơ sở 1.210.000

đồng/tháng và 1.490.000 đồng/tháng nhưng đến nay mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng, từ ngày 01/07/2026 tăng lên 2.530.000 đồng/tháng. Ngoài ra, giá vật tư, văn phòng phẩm, chi thuê xe thăm tra hiện trạng công trình khai thác, chi phục vụ công tác họp hội đồng thẩm định,... cũng tăng theo giá thị trường.

Do đó, để đảm bảo việc tổ chức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đáp ứng quy định pháp luật hiện hành và thống nhất mức phí trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau sáp nhập), việc xây dựng và ban hành Nghị quyết nêu trên nhằm bãi bỏ Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Ninh Thuận Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận liên quan đến phí khai thác, sử dụng nguồn nước là cần thiết.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

“Điều 1. Nghị quyết này quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, bao gồm:

a) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất;

b) Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất;

c) Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn nước.

3. Tổ chức thu phí: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Mức thu phí: Chi tiết theo Bảng sau:

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

TT	Nội dung	Mức thu
1	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất	
1.1	Phí thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất	
a	Thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm	1.500.000
b	Đề án thăm dò nước dưới đất công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	1.500.000
c	Đề án thăm dò nước dưới đất công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	5.500.000
d	Đề án thăm dò nước dưới đất công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	6.300.000
1.2	Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất	
a	Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm	1.500.000
b	Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	5.100.000
c	Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	5.600.000
d	Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	6.700.000
1.3	Phí thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất	
a	Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm	1.500.000
b	Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	5.000.000
c	Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	5.900.000
d	Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	6.400.000
2	Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	
a	Đề án khai thác, sử dụng nước mặt: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác lớn hơn 0,5 m ³ /s đến dưới 1 m ³ /s và có	1.500.000

	<p>dung tích toàn bộ từ 0,5 triệu m³ đến dưới 1 triệu m³; Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình công, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (<i>không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng công, trạm bơm</i>) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước dưới 2 m³/giây hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng lớn hơn 100 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm; Công trình khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô khai thác lớn hơn 100.000 m³/ngày đêm đến dưới 250.000 m³/ngày đêm</p>	
b	<p>Đề án khai thác, sử dụng nước mặt: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m³/s đến dưới 2 m³/s và có dung tích toàn bộ từ 1 triệu m³ đến dưới 3 triệu m³; Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình công, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (<i>không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng công, trạm bơm</i>) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước từ 2 m³/giây đến dưới 5 m³/giây hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm; Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (<i>trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện</i>) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương rạch từ 30m đến dưới 50m (<i>đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 5m đến dưới 50m</i>); Công trình khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô khai thác từ 250.000 m³/ngày đêm đến dưới 500.000 m³/ngày đêm; Công trình khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy lớn hơn 50 kW đến dưới 5.000 kW</p>	6.000.000
c	<p>Đề án khai thác, sử dụng nước mặt: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/s đến dưới 5 m³/s và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³; Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình công, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (<i>không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng công, trạm bơm</i>) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước từ 5 m³/giây đến dưới 7 m³/giây hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 5.000 m³/ngày đêm đến dưới 25.000 m³/ngày đêm; Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương rạch với mục đích ngăn</p>	6.700.000

	mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (<i>trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện</i>) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương rạch từ 50m đến dưới 100m (<i>đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50m đến dưới 100m</i>); Công trình khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô khai thác từ 500.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 750.000 m ³ /ngày đêm; Công trình khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 5.000 kW đến dưới 10.000 kW	
d	Đề án khai thác, sử dụng nước mặt: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m ³ /s đến dưới 10 m ³ /s và có dung tích toàn bộ dưới 5 triệu m ³ ; Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình công, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (<i>không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng công, trạm bơm</i>) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước từ 7 m ³ /giờ đến dưới 10 m ³ /giờ hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 25.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (<i>trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện</i>) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương rạch từ 100m đến dưới 200m (<i>đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 100m đến dưới 200m</i>); Công trình khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô khai thác từ 750.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm; Công trình khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 10.000 kW đến dưới 30.000 kW	7.400.000
3	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	1.500.000
4	Phí thẩm định đề án, báo cáo đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác tài nguyên nước; thẩm định hồ sơ, điều kiện trong trường hợp gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Bằng 50% mức phí quy định tại Số thứ tự 1, 2, 3 Biểu này

5. Đối tượng miễn nộp phí:

- a) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật.
- b) Hộ nghèo theo chuẩn nghèo được quy định.
- c) Đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại các xã thuộc khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định.

d) Người khuyết tật theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý và sử dụng phí:

a) Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Các nội dung liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Áp dụng miễn 100% mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tương ứng trong Biểu mức thu phí quy định tại khoản 4 Điều 1 khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thông qua Dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Nghị quyết 13/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

3. Nghị quyết này bãi bỏ Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.”.